



Original Article

The European Union's Deforestation-free Supply Chains Regulations: Opportunities and Challenges for Vietnamese Coffee

Mai Hai Dang*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 4 January 2023

Revised 7 May 2024; Accepted 25 June 2024

Abstract: The European Union (EU) adopted the regulation on deforestation-free supply chains (EUDR) in 2023 to reduce the EU market's impact on deforestation and forest degradation worldwide and protect human rights. This regulation provides for a mandatory due diligence mechanism for the supply chain, anchored on total traceability of the chain, with the purpose of ensuring that the products (cocoa, coffee, beef, timber, palm oil, soybeans) traded or exported to the EU are deforestation-free and produced in accordance with conventions that ensure human rights. EUDR will have a significant impact on Vietnam's strategic commodity exports, particularly rubber, cocoa, and coffee. This research aims to identify and analyze the impact of EUDR towards Vietnam coffee exports. The research techniques employed are the common qualitative techniques, such as descriptive research, observation, document analysis, inferencing, categorization, systematization, and generalization.

Keywords: Coffee, opportunities, challenges, EUDR, deforestation-free, Vietnam.

* Corresponding author.

E-mail address: dangmh@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4606>

Quy định về chuỗi cung ứng hàng hóa không gây mất rừng: Cơ hội và thách thức đối với cà phê Việt Nam

Mai Hải Đăng*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 4 tháng 01 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 7 tháng 5 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2024

Tóm tắt: Liên minh Châu Âu (EU) đã thông qua Quy định về chuỗi cung ứng hàng hóa không gây mất rừng (EUDR) vào năm 2023 nhằm hạn chế tác động của thị trường EU đối với nạn phá rừng và suy thoái rừng trên toàn thế giới cũng như bảo vệ quyền con người. Quy định này quy định về trách nhiệm giải trình bắt buộc đối với chuỗi cung ứng, dựa trên khả năng truy xuất nguồn gốc tổng thể của chuỗi, với mục đích đảm bảo rằng các sản phẩm (ca cao, cà phê, thịt bò, gỗ, dầu cọ, đậu nành) được mua bán hoặc xuất khẩu sang EU không gây mất rừng và được sản xuất tuân theo các công ước quốc tế về bảo đảm quyền con người. EUDR sẽ có tác động đáng kể đến xuất khẩu hàng hóa chiến lược của Việt Nam, đặc biệt là cao su, ca cao và cà phê. Bài viết này phân tích những quy định của EUDR và những tác động của nó đối với xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là định tính thông dụng như nghiên cứu miêu tả, quan sát, phân tích tài liệu, suy luận, phạm trù hóa, hệ thống hóa, khái quát hóa.

Từ khóa: Cà phê, cơ hội, thách thức, EUDR, không gây mất rừng, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Phá rừng và suy thoái rừng là nguyên nhân chính gây ra tình trạng ấm lên của toàn cầu và mất đa dạng sinh học. Theo ước tính của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp quốc (FAO), trong 30 năm qua thế giới đã mất khoảng 420 triệu ha (10%) rừng (FAO, 2020) [1]. Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) cũng chỉ ra rằng từ năm 2007 đến năm 2016, 23% tổng lượng phát thải khí nhà kính do con người tạo ra có nguồn gốc từ nông nghiệp, lâm nghiệp và việc sử dụng đất, trong đó khoảng 11% là do lâm nghiệp và phá rừng, 12% còn lại có liên quan đến phát thải trực tiếp từ các hoạt động nông nghiệp như chăn nuôi và sử dụng phân bón (IPCC, 2022) [2]. Do vậy, các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp và các cá nhân phải

chung tay cùng hành động để bảo vệ môi trường và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu. Tháng 5 năm 2023 EU đã thông qua Quy định về chuỗi cung ứng hàng hóa không gây mất rừng (còn được gọi là Quy định không gây mất rừng), Regulation on deforestation-free supply chains (Deforestation Regulation or EUDR) [3]. Quy định này ra đời trong bối cảnh rừng trên thế giới đang suy thoái và bị tàn phá để sản xuất các mặt hàng như cà phê, ca cao, cao su, đậu nành, thịt bò, dầu cọ, gỗ, cũng như sản phẩm phái sinh có nguồn gốc từ các mặt hàng này như đồ da, sô cô la, lốp xe, giấy in, đồ nội thất, dầu cọ, bột đậu,... Bằng việc thúc đẩy tiêu dùng các sản phẩm không gây mất rừng và giảm tác động của EU vào nạn phá rừng và suy thoái rừng trên toàn cầu, Quy định này được kì vọng sẽ góp phần làm

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: dangmh@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4606>

giảm phát thải khí nhà kính cũng như mất đa dạng sinh học.

Thị trường EU là thị trường tiềm năng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Cà phê, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam có thể sẽ bị ảnh hưởng bởi EUDR [4]. Việc triển khai EUDR sẽ có nhiều thách thức, tác động trực tiếp đến các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và thương mại, người dân ở Việt Nam. Nếu các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và thương mại ở Việt Nam không chủ động thích ứng, đáp ứng các tiêu chuẩn của EUDR thì một số mặt hàng và các sản phẩm phái sinh của chúng không thể nhập khẩu vào thị trường EU.

Câu hỏi đặt ra là những thuận lợi, khó khăn đối với một số hàng nông sản của Việt Nam nói chung, đối với mặt hàng cà phê nói riêng khi tuân thủ quy định này là gì? Các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và thương mại và các hộ gia đình trồng cà phê ở Việt Nam cần làm gì để thích ứng với quy định này, tránh ảnh hưởng đến xuất khẩu các mặt hàng như cà phê, cao su, gỗ và sản phẩm phái sinh khác sang thị trường EU nói riêng và thị trường toàn cầu nói chung. Nghiên cứu này phân tích những thuận lợi và khó khăn đối với cà phê của Việt Nam khi tuân thủ quy định này, từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam đáp ứng quy định của EUDR.

2. Tổng quan về quy định chuỗi cung ứng hàng hóa không gây mất rừng

Quy định về chuỗi cung ứng hàng hóa không gây mất rừng (EUDR) bao gồm các quy tắc về việc đưa các hàng hóa liên quan và các sản phẩm có liên quan vào thị trường và xuất khẩu từ EU (Chi tiết các mặt hàng được liệt kê trong phụ lục I của Quy định).

Theo EUDR “rừng” có nghĩa là đất có diện tích trên 0,5 ha với cây cao hơn 5 mét và độ che phủ tán trên 10% hoặc cây có thể đạt đến ngưỡng đó tại chỗ, không bao gồm đất chủ yếu được sử dụng là đất nông nghiệp hoặc đô thị; “phá rừng”

có nghĩa là việc chuyển đổi rừng sang sử dụng cho mục đích nông nghiệp, dù có do con người gây ra hay không; “suy thoái rừng” có nghĩa là những thay đổi về cấu trúc của độ che phủ rừng, dưới hình thức chuyển đổi: a) Rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên thành rừng trồng hoặc đất rừng khác; hoặc b) Rừng nguyên sinh thành rừng trồng. “hàng hóa liên quan” có nghĩa là gia súc, ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành và gỗ; “sản phẩm liên quan” có nghĩa là những mặt hàng được nuôi hoặc sản xuất bằng các sản phẩm đó như thịt bò, sản phẩm da, sô cô la, giấy in, đồ nội thất, dầu cọ, bột đậu,...

Mục tiêu của EUDR là nhằm [5]:

i) Đảm bảo rằng các sản phẩm thuộc danh mục nêu trong Quy định mà người dân châu Âu mua, sử dụng và tiêu dùng hoặc xuất khẩu không gây mất rừng và suy thoái rừng tại EU cũng như trên toàn cầu;

ii) Giảm ít nhất 32 triệu tấn khối/năm lượng phát thải khí carbon do việc tiêu thụ và sản xuất các mặt hàng có liên quan của EU;

iii) Chấm dứt hoàn toàn tình trạng gây mất rừng và suy thoái rừng nhằm mở rộng diện tích đất nông nghiệp phục vụ sản xuất các mặt hàng thuộc danh mục nêu trong Quy định, đồng thời thúc đẩy thiết lập chuỗi cung ứng không gây mất rừng.

EUDR cấm nhập khẩu những mặt hàng nông sản có quy trình sản xuất trên đất có nguồn gốc từ phá rừng và gây suy thoái rừng kể từ sau ngày 31/12/2020 bao gồm gia súc, ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành và gỗ; cũng như các mặt hàng được nuôi hoặc sản xuất bằng các sản phẩm đó như thịt bò, sản phẩm da, sô cô la, giấy in, đồ nội thất, than củi, dầu cọ, bột đậu,... (Chi tiết các mặt hàng được liệt kê trong phụ lục I của Quy định).

EUDR đã được công bố trên Công báo chính thức của Liên minh vào ngày 9 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 6 năm 2023, và áp dụng các giai đoạn chuyển đổi. Đối với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có quy mô trung và lớn hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu cũng như trách nhiệm kiểm soát tương ứng của các quốc gia thành viên EU sẽ được áp dụng từ

thời điểm 30 tháng 12 năm 2024 (sau 18 tháng chuyển đổi). Đối với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ, các điều khoản quy định nghĩa vụ tương tự sẽ được áp dụng từ thời điểm 30 tháng 6 năm 2025 (sau 24 tháng chuyển đổi).

Theo EUDR, các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và thương mại không được phép đưa các hàng hóa và sản phẩm liên quan vào thị trường EU hoặc xuất khẩu các hàng hóa và sản phẩm đó từ EU, nếu không đáp ứng được các điều kiện:

- i) Các sản phẩm và hàng hóa liên quan này không gây mất rừng;
- ii) Quá trình sản xuất các sản phẩm và hàng hóa đó tuân thủ pháp luật của quốc gia sản xuất;
- iii) Các sản phẩm và hàng hóa được bảo đảm thông qua một tuyên bố về trách nhiệm giải trình.

Để chứng minh các hàng hóa và sản phẩm liên quan không gây mất rừng các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và thương mại phải chứng minh rằng hàng hóa đó được sản xuất hoặc nuôi dưỡng trên đất không gây mất rừng hoặc suy thoái rừng kể từ ngày 31/12/2020. Các hàng hóa và sản phẩm liên quan đó không những phải tuân thủ pháp luật tại quốc gia sản xuất liên quan đến: quyền sử dụng đất; bảo vệ môi trường; các quy định liên quan đến quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học; quyền của bên thứ ba; quyền lao động; các quy định về thuế, chống tham nhũng, thương mại và hải quan, mà còn phải tuân thủ các quyền con người được bảo vệ theo luật pháp quốc tế; nguyên tắc tự do thỏa thuận trước và được thông tin đầy đủ, bao gồm cả những nội dung được nêu trong Tuyên bố của Liên Hợp quốc về quyền của các dân tộc và bộ lạc bản địa.

Trước khi đưa các sản phẩm vào thị trường EU hoặc xuất khẩu các sản phẩm từ đây, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và thương mại phải thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 để đảm bảo rằng rủi ro không tuân thủ của các sản phẩm có liên quan chỉ ở mức không đáng kể.

Nội dung Tuyên bố về trách nhiệm giải trình bao gồm: a) thu thập thông tin, tài liệu và dữ liệu

cụ thể; b) các biện pháp đánh giá rủi ro; c) các biện pháp giảm thiểu rủi ro [6].

Thứ nhất, các cá nhân, tổ chức cần thu thập thông tin theo quy định tại Điều 9, bao gồm thủ tục hải quan thông quan để lưu thông tự do và xuất khẩu, cũng như số lượng, nhà cung cấp, quốc gia sản xuất, bằng chứng khai thác hợp pháp, và nhiều thông tin khác. Một yêu cầu quan trọng, trong bước này, là thu thập tọa độ vị trí địa lý của các lô đất nơi hàng hóa liên quan được nuôi, trồng, và cung cấp thông tin liên quan - sản phẩm, số lượng, quốc gia sản xuất, tọa độ vị trí địa lý trong tuyên bố trách nhiệm giải trình sẽ được nộp vào Hệ thống thông tin.

Thứ hai, các cá nhân, tổ chức cần đưa thông tin đã thu thập được vào hệ thống trách nhiệm giải trình để xác minh và đánh giá rủi ro của các sản phẩm không tuân thủ đi vào chuỗi cung ứng, dựa trên các tiêu chí được mô tả tại Điều 10. Các cá nhân, tổ chức cần chứng minh thông tin đã thu thập được kiểm tra như thế nào theo các tiêu chí đánh giá rủi ro và họ đã xác định rủi ro như thế nào.

Thứ ba, các cá nhân, tổ chức cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro đầy đủ và phù hợp nếu nhận thấy ở bước hai có nguy cơ rủi ro cao hơn mức rủi ro không đáng kể về việc không tuân thủ, để đảm bảo rằng rủi ro đó trở thành rủi ro không đáng kể, dựa trên các tiêu chí được mô tả tại Điều 11. Những biện pháp giảm thiểu rủi ro này cần phải được tài liệu hóa. Các cá nhân, tổ chức thu mua hàng hóa hoàn toàn từ các khu vực được phân loại là rủi ro thấp sẽ phải tuân theo các nghĩa vụ về trách nhiệm giải trình đơn giản hóa. Theo Điều 13, họ sẽ cần thu thập thông tin theo quy định tại Điều 9, nhưng sẽ không phải đánh giá và giảm thiểu rủi ro (Điều 10 và 11) trừ khi cá nhân, tổ chức có hoặc biết được bất kỳ thông tin nào liên quan, bao gồm các quan ngại có căn cứ được đệ trình theo Điều 31, mà có thể chỉ ra rủi ro các sản phẩm liên quan không tuân thủ Quy định này (Điều 13.2).

Theo quy định tại Điều 6, cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại có thể ủy quyền cho các đại diện nộp tuyên bố trách nhiệm giải trình thay mặt họ. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức

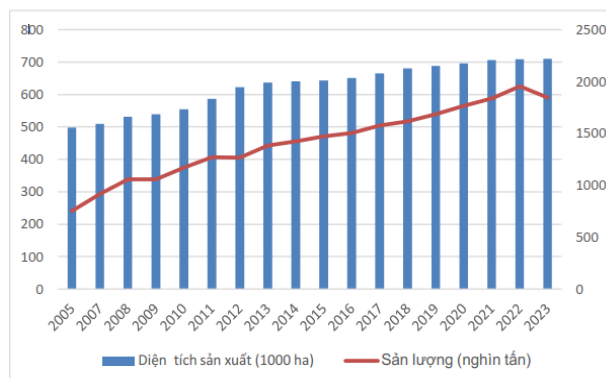
và đơn vị thương mại vẫn phải chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của các sản phẩm liên quan. Nếu cá nhân, tổ chức là thể nhân hoặc doanh nghiệp siêu nhỏ thì họ có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại ở giai đoạn tiếp theo trong chuỗi cung đóng vai trò là đại diện được ủy quyền của mình, với điều kiện là cá nhân, tổ chức được ủy quyền không phải là thể nhân hoặc doanh nghiệp siêu nhỏ. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức ủy quyền vẫn chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của sản phẩm.

Các cá nhân, tổ chức phải thu thập, sắp xếp và lưu giữ thông tin đã thu thập theo quy định tại Điều 9, kèm theo bằng chứng, trong vòng 5 năm kể từ ngày đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh các hàng hóa và sản phẩm liên quan. Theo quy định tại Điều 10 (4) và Điều 11 (3), các cá nhân, tổ chức có thể phải chứng minh trách nhiệm giải trình đã được thực hiện như thế nào và các biện pháp giảm thiểu rủi ro nào đã được áp dụng trong trường hợp rủi ro được xác định. Các tài liệu liên quan đến các biện pháp giảm thiểu rủi ro này phải được lưu giữ ít nhất 5 năm sau khi trách nhiệm giải trình được thực hiện. Các cá nhân, tổ chức cũng phải lưu giữ hồ sơ của các tuyên bố trách nhiệm giải trình trong vòng 5 năm kể từ khi tuyên bố đó được nộp vào Hệ thống thông tin, thời điểm nộp phải trước ngày đưa sản phẩm vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu sản phẩm từ Liên minh. Các đơn vị thương mại không phải doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng có nghĩa vụ lưu giữ tài liệu tương tự như các cá nhân, tổ chức.

3. Thực trạng sản xuất và tiêu thụ cà phê ở Việt Nam

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Việt Nam hiện có trên 700.000 ha cà phê [7], trong đó, 32.000 ha tập trung thuộc các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước quản lý; 668.000 ha còn lại phân tán nhỏ lẻ, không tập trung, được trồng bởi các hộ nông dân (gia đình), tức là mỗi hộ nông dân chỉ sở hữu từ 0,5-1 ha đất trồng cà phê [8].

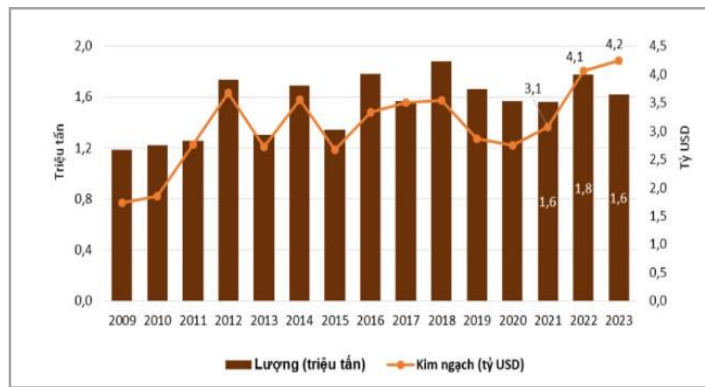
Tổ chức Sáng kiến thương mại bền vững (IDH) đã thống kê ở Việt Nam hiện nay có khoảng 600.000 hộ gia đình có diện tích trồng cà phê dưới 1ha, chiếm 95% lượng cà phê của cả nước [9]. Việt Nam có hai vùng khí hậu phù hợp cho trồng và sản xuất cà phê: Vùng Tây Nguyên có đất đỏ bazan, rất thuận lợi để trồng cà phê với các tỉnh miền Bắc, với độ cao phù hợp (khoảng 6-800 m) phù hợp với cà phê chè. Tây Nguyên là vùng sản xuất cà phê chính của Việt Nam, chiếm 95,5% tổng diện tích. Diện tích trồng cà phê của khu vực này có xu hướng tăng trong giai đoạn từ 2018 - 2022 với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 1,5%/năm. Trung du và miền núi phía bắc đứng thứ 2 với diện tích bình quân trong giai đoạn 2018 - 2022 là 21,07 ha, chiếm 3% tổng diện tích trồng cà phê của Việt Nam, tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn này đạt 0,4%/năm [10].



Hình 1. Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam từ 2005 – 2023.
Nguồn: Agroinfo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, 2023.

Theo báo cáo mới đây của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) Việt Nam hiện là quốc gia sản xuất và xuất khẩu cà phê đứng thứ 2 trên thế giới, sau Brazil [11]. Năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt hơn 1,6 triệu tấn (khoảng 27 triệu bao), giảm 8,7% so với năm 2022 nhưng giá trị tăng 4,6% lên mức kỷ lục hơn 4,24 tỷ USD. Tính riêng tháng 12/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 207,6 nghìn tấn, trị giá 599,4 triệu USD, tăng 74% về lượng và 68% về giá trị so với

tháng 11/2023, đồng thời tăng 5,4% về lượng và 40,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Các thị trường xuất khẩu cà phê hàng đầu của Việt Nam trong năm 2023 vẫn là EU, Nhật Bản, Mỹ, Nga,... Trong đó, EU tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất với khối lượng đạt 600.548 tấn, trị giá gần 1,5 tỷ USD, chiếm 37% về lượng và 35% về giá trị trong tổng xuất khẩu cà phê của Việt Nam [10].



Hình 2. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong giai đoạn 2009 – 2023.
 Nguồn: Agroinfo tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê, Cục Trồng trọt.

Theo báo cáo của Trung tâm Thông tin phát triển nông nghiệp nông thôn (AGROINFO), trong năm 2023, EU nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 652 nghìn tấn, trị giá 1,53 tỷ EUR (tương đương 1,66 tỷ USD), giảm 1,4% về lượng và giảm 0,02% về trị giá so với năm 2022. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ thế giới tăng từ 14,85% năm 2022 lên 16,08% năm 2023. Tương tự, thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 21,69% năm 2022 lên 23,75% năm 2023 [10].

4. Những cơ hội và thách thức đối với cà phê ở Việt Nam

Thứ nhất, Chính phủ Việt Nam đã rất quan tâm đến bảo tồn và phát triển rừng, coi rừng là một nguồn tài nguyên quan trọng, có giá trị cho sự phát triển kinh tế xã hội và hạnh phúc của

người dân. Việt Nam đã tham gia nhiều Điều ước quốc tế về bảo tồn thiên nhiên; đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển rừng, đồng thời Việt Nam đã thúc đẩy mạnh mẽ việc triển khai các cam kết quốc tế về bảo tồn thiên nhiên; đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển rừng bền vững. Tại Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 năm 2021 (COP26), Thủ tướng Chính phủ đã đưa ra cam kết Việt Nam phấn đấu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, tham gia sáng kiến Giảm phát thải khí methane toàn cầu và thực hiện Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất [12]. Việt Nam và EU đã ký kết Hiệp định đối tác tự nguyện giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và EU về thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (Hiệp định VPA/FLEGT) [13], có hiệu lực từ ngày 01/6/2019. Hiệp định VPA/FLEGT giúp cải thiện quản trị rừng, giải quyết khai thác bất hợp pháp và thúc đẩy thương mại sản phẩm gỗ hợp pháp và thúc đẩy thương

mại sản phẩm gốc hợp pháp được xác nhận từ Việt Nam sang EU và các thị trường khác.

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại Kỳ họp thứ 4, Khóa XIV, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2019, Luật Lâm nghiệp 2017 thay thế cho Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11. Ngoài ra, một loạt các văn bản pháp luật khác liên quan đã được ban hành: Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2050; Quyết định 255/QĐTTg ngày 25/02/2021 về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bảo vệ rừng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030”; Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 809/QĐ-TTg, ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT quy định quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản; Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030. Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp. Do vậy, trong 10 năm trở lại đây, Tổng diện tích rừng của Việt Nam tương đối ổn định. Đây là một trong những điểm thuận lợi để Việt Nam thực thi Quy định không gây mất rừng của EU.

Thứ hai, Chính phủ Việt Nam đã có thích ứng nhanh, triển khai các kế hoạch ứng phó thích ứng với EUDR. Cụ thể ngày 01/8/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Công văn số 5179/BNN-HTQT về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với Quy định không gây mất rừng EU gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc

Trung ương, theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương cùng đồng hành, bổ sung kế hoạch hoạt động của địa phương thích ứng với EUDR: Giám sát chặt chẽ vùng nguy cơ rủi ro cao (các vùng trồng xen kẽ rừng) đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR, đặc biệt là cà phê; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2024. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NNPTNT) đã thực hiện đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu cà phê đạt chuẩn với diện tích 19.700 ha, bao gồm 4 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum và Đắk Nông. Trong vùng dự án này, có khoảng 64 hợp tác xã (HTX) và 5.230 hộ dân sản xuất cà phê. Diện tích trồng cà phê của khu vực này có xu hướng tăng trong giai đoạn từ 2018-2022 với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 1,5%/năm. Đây cũng là một trong những điều kiện thuận lợi để Việt Nam thực thi Quy định không gây mất rừng của EU [10].

Thứ ba, như đã đề cập ở trên, Việt Nam và EU đã ký kết Hiệp định đối tác tự nguyện giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và EU về thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT), có hiệu lực từ ngày 01/6/2019 [13]. Mục tiêu của VPA/FLEGT là cải thiện quản trị rừng và khung pháp lý quy định các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam nói chung và dành cho xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường EU, theo đó hai bên cam kết quản lý bền vững tất cả các loại rừng và nỗ lực giảm thiểu các tác động bất lợi có thể phát sinh trực tiếp từ việc thực hiện Hiệp định này đối với cộng đồng địa phương và người nghèo, đã thống nhất “Mã HS” là mã 4 hoặc 6 chữ số được quy định tại phần danh mục của hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa được xây dựng theo Công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới. Đồng thời Việt Nam đã tham gia

cơ chế giảm khí phát thải khí nhà kính từ việc mất rừng và suy thoái rừng (REDD+). Việt Nam đã được chọn là một trong những quốc gia đầu tiên thí điểm chương trình REDD của Liên Hợp quốc (UN-REDD) và thực hành nguyên tắc đồng thuận, tự do, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC), là nguyên tắc thể hiện việc cộng đồng có quyền đồng thuận hoặc không đồng thuận với các dự án đề xuất có thể ảnh hưởng đến đất đai mà theo tục lệ họ là chủ, hoặc sử dụng theo cách khác. Đây cũng là một trong những điều kiện thuận lợi để chúng ta có thể triển khai tốt những quy định về truy xuất nguồn gốc, điều kiện để cả phê Việt Nam đáp ứng được quy định của EUDR.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội đã nêu trên, cả phê ở Việt Nam cũng không tránh khỏi những thách thức khi tuân thủ những quy định của EUDR

Thứ nhất, EUDR yêu cầu trong Tuyên bố về trách nhiệm giải trình các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và thương mại phải thu thập thông tin theo quy định tại Điều 9. Một yêu cầu quan trọng, trong bước này, là thu thập tọa độ vị trí địa lý của các lô đất nơi hàng hóa liên quan được nuôi, trồng, và cung cấp thông tin liên quan - sản phẩm, mã chứng nhận, số lượng, quốc gia sản xuất, tọa độ vị trí địa lý. Điều đó có nghĩa là cần truy xuất nguồn gốc của sản phẩm đến tận thửa đất (cần có thông tin về tọa độ địa lý của các thửa đất nơi sản xuất ra hàng hóa) để chứng minh rằng không có phá rừng xảy ra tại một vị trí địa lý cụ thể. Việc thu thập tọa độ vị trí địa lý của lô đất có thể được thực hiện thông qua điện thoại di động, các thiết bị cầm tay sử dụng Hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu (Global Navigation Satellite System - GNSS) và các ứng dụng kỹ thuật số phổ biến và miễn phí (ví dụ: Hệ thống thông tin địa lý GIS). Những thiết bị và ứng dụng này không yêu cầu phải có phủ sóng mạng di động, chỉ cần có tín hiệu GNSS tin cậy, chẳng hạn như tín hiệu từ hệ thống định vị GALILEO của EU [14]. Để triển khai đồng bộ hệ thống truy xuất nguồn gốc là rất khó khăn và tốn kém, đây không chỉ là công việc của các hộ sản xuất nhỏ, người dân bản địa, doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công ty xuất nhập

khẩu, mà là công việc quốc gia, do đó rất cần có sự hỗ trợ nhiều từ Chính phủ Việt Nam.

Thứ hai, hiện nay vẫn còn nhiều hộ gia đình chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Theo số liệu điều tra của Tổ chức Sáng kiến thương mại bền vững (IDH), hiện nay cả nước có khoảng 15-20% diện tích trồng cà phê chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất [15]. Theo quy định của EUDR các hàng hóa và sản phẩm liên quan không chỉ phải tuân thủ những quy định về không gây mất rừng, mà còn phải được sản xuất phù hợp với quy định pháp luật tại nước sản xuất liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 3 (b), và Điều 2 (40). Để đảm bảo tính hợp pháp của vườn trồng, cũng như phù hợp với luật pháp Việt Nam, bao gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng lao động, điều kiện lao động cho người nông dân và những quy định khác liên quan đến lao động, Nhà nước cần đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Thứ ba, năm 2024, giá cà phê trong nước biến động mạnh. Thời điểm tháng 5/2024, giá cà phê ghi nhận mức cao kỷ lục, giá cà phê bình quân/tháng tại Đắk Nông là 124.000 đồng/kg, Đắk Lắk 123.500 đồng/kg, Gia Lai và Lâm Đồng là 122.500 đồng/kg [16]. Đây cũng là mức cao nhất từ trước đến nay. Đồng thời đây là điều đáng mừng cho người trồng cà phê Việt Nam. Tuy nhiên việc giá cà phê tăng, có thể người dân tiếp tục mở rộng diện tích canh tác, đặc biệt là trong các vùng xen kẽ, có thể chặt bỏ một số cây trồng khác để trồng cà phê dẫn đến nguy cơ gây mất rừng. Không tuân thủ được quy định của EUDR.

5. Một số đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật Việt Nam

Thứ nhất, việc tuân thủ những quy định của EUDR không chỉ giúp cho các hàng nông sản của Việt Nam có thể xuất khẩu vào thị trường EU, mà còn là những minh chứng chứng tỏ Việt Nam thực hiện tốt các cam kết quốc tế về bảo tồn thiên nhiên; đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển rừng bền vững. Đồng thời

còn là điều kiện, cơ sở để Việt Nam giữ lại tài nguyên cho thế hệ mai sau. Việt Nam cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu để truy xuất nguồn gốc đối với các hàng nông sản nói chung, đặc biệt là đối với cà phê và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng, có gắn với định vị của từng vườn; số hóa dữ liệu bản đồ rừng, các vườn trồng; khuyến khích các hộ nông dân tham gia các chứng chỉ sản xuất cà phê bền vững.

Thứ hai, các hộ gia đình tham gia vào chuỗi cung ứng hàng hóa xuất khẩu sang Châu Âu là chìa khóa để đảm bảo hàng hóa của họ không bị bán sang các thị trường khác với giá thấp hơn, hoặc bị ép giá làm ảnh hưởng đến sinh kế của họ. Tây Nguyên là vùng sản xuất cà phê chính của Việt Nam, chiếm 95,5% tổng diện tích. Tây Nguyên là nơi sinh sống hòa hợp của gần 6 triệu người thuộc tất cả 54/54 dân tộc anh em cả nước, trong đó có 53 dân tộc thiểu số, với gần 2,2 triệu người, chiếm 37,5 dân số toàn vùng [17]. Theo đánh giá tác động của Ủy ban Châu Âu đã ước tính rằng chi phí liên quan đến việc tuân thủ EUDR đối với các công ty có thể lên tới từ 170 triệu USD đến 2,5 tỷ USD mỗi năm [18]. Do vậy, khả năng họ sẽ không đủ kinh phí để sẵn sàng đầu tư chi phí để trang trải tất cả các chi phí liên quan đến triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của EUDR. Rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước về nguồn vốn, tài chính, kỹ thuật, cho các hộ gia đình, các công ty xuất khẩu.

Thứ ba, Nhà nước cần có chính sách để mở rộng thị trường mới, đặc biệt là thị trường ngách để có thể xây dựng thương hiệu mạnh hơn nữa cho cà phê Việt Nam trên thị trường quốc tế. Trước thực trạng giá cà phê hiện nay rất cao, các hộ gia đình có thể sẽ tiếp tục mở rộng diện tích cà phê, đặc biệt là trong các vùng xen kẽ, trong thực tế, tình trạng ken, đốt gốc thông, bạch đàn để lấy đất trồng cà phê đã xảy ra một số tỉnh, điều đó dẫn đến nguy cơ gây mất rừng. Nhà nước cần hỗ trợ tổ chức các cuộc hội thảo, thảo luận trao đổi giữa cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp, các hộ gia đình để phổ biến quy định EUDR nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi bền vững, chuyển đổi sang chuỗi cung ứng không phá rừng; phát triển hệ thống cơ sở hạ

tầng như thủy lợi, giao thông nông thôn, hệ thống logistics nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi bền vững, chuyển đổi sang chuỗi cung ứng không phá rừng.

Tài liệu tham khảo

- [1] FAO, Global Forest Resources Assessment, 2020: Main Report. Food and Agriculture Organization of the United Nations. <http://www.fao.org/3/ca9825en/ca9825en.pdf>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [2] IPCC, Mitigation of Climate Change. Working Group III Contribution to the IPCC Sixth Assessment Report (AR6) Summary for Policymakers, 2022, https://www.ipcc.ch/report/ar6/wg3/downloads/report/IPCC_AR6_WGIII_SPM.pdf, (accessed on: May 17th, 2024).
- [3] European Commission, Regulation (EU) 2023/1115 of the European Parliament and of the Council of 31 May 2023 on the Making Available on the Union Market and the Export from the Union of Certain Commodities and Products Associated with Deforestation and Forest Degradation and Repealing Regulation (EU) No. 995/2010. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32023R1115>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [4] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công văn số: 5179/BNN-HTQT ngày 01/8/2023 về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với Quy định không gây mất rừng EU, <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Tai-nguyen-Moi-truong/Cong-van-5179-BNN-HTQT-2023-Khung-Ke-hoach-hanh-dong-khong-gay-mat-rung-EU-576579.aspx>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [5] Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, Các yếu tố chính - Quy định ngăn chặn phá rừng của Liên minh châu Âu, <https://www.eeas.europa.eu/sites/default/files/documents/2024/EUDR%20-%20FactSheet%20-%20Key%20Aspects%20-%20VN.pdf>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [6] Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, Tổng thể - Quy định về ngăn chặn phá rừng của Liên minh châu Âu, https://www.eeas.europa.eu/eudr-overview-vietnam_vi?s=184, (accessed on: May 17th, 2024).

- [7] N. Hiền, Xuất khẩu cà phê khởi đầu niên vụ mới với nhiều nỗi lo, <https://haiquanonline.com.vn/xuat-khau-ca-phe-khoi-dau-nien-vu-moi-voi-nhieu-noi-lo-181676-181676.html>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [8] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội nghị triển khai kế hoạch hành động thích ứng với Quy định chống phá rừng của EU, <https://vukehoach.mard.gov.vn/News.aspx?id=3109>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [9] IDH, Coffee Production in the Face of Climate Change. Country Profiles, Global Coffee Platform, pp. 55, https://www.idhsustainabletrade.com/uploaded/2019/08/CountryProfile_Climate_Coffee_ALL.pdf, (accessed on: May 17th, 2024).
- [10] Trung tâm Thông tin Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, Báo cáo cà phê 2023, <https://agro.gov.vn/images/files/B%c3%a1o%20c.pdf>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [11] USDA, Coffee: World Markets and Trade, <https://apps.fas.usda.gov/psdonline/circulars/coffee.pdf>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [12] T. Thủy, Thực hiện cam kết COP26 từ xây dựng một nền nông nghiệp phát triển bền vững, <https://baochinhphu.vn/thuc-hien-cam-ket-cop26-tu-xay-dung-mot-nen-nong-nghiep-phat-trien-ben-vung-102220801150225106.htm>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [13] Bộ Ngoại giao, Thông báo về hiệu lực của điều ước quốc tế, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Thong-bao-25-2019-TB-LPQT-thuc-thi-luat-lam-nghiep-quan-tri-rung-Viet-Nam-va-Lien-minh-Chau-Au-419869.aspx>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [14] Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, Các câu hỏi thường gặp - Quy định Ngăn chặn Phá rừng của Liên minh châu Âu, https://www.eeas.europa.eu/eudr-faqs-vietnam_vi?s=184, (accessed on: May 17th, 2024).
- [15] Q. Chi, Không đẩy nông dân vào thế khó để sớm đạt tiêu chuẩn EUDR bằng mọi giá, <https://nongnghiep.vn/khong-day-nguoi-nong-dan-vao-the-kho-de-som-dat-tieu-chuan-eudr-bang-moi-gia-d367278.html> (accessed on: May 17th, 2024).
- [16] <https://congthuong.vn/gia-ca-phe-hom-nay-2152024-gia-ca-phe-trong-nuoc-tang-nhe-321320.html>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [17] T. Linh, Ng. Ngà, D. Thương, Cà nước vì Tây Nguyên, <https://baoloc.lamdong.dcs.vn/thong-tin-tuyen-truyen/type/detail/id/41763/task/1313>, (accessed on: May 17th, 2024).
- [18] Global Impacts of the EU's Anti-deforestation Law, <https://www.spglobal.com/esg/insights/featured/special-editorial/global-impact-of-the-eu-s-anti-deforestation-law>, (accessed on: May 17th, 2024).